

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2019/DS-PT

Ngày: 30 – 8 - 2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
Quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngừng.

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 88/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST, ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện BT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2019/QĐ-PT ngày 11/7/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: KV2, phường AK, quận NK, thành phố Cần Thơ

Tạm trú: đường E, phường AP, quận NK, thành phố Cần Thơ

Ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh C1, sinh năm 1955

Địa chỉ: đường E, phường AP, quận NK, thành phố Cần Thơ

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng C2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp HT, xã NVT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Kim Đất T sinh năm 1959 địa chỉ ấp TK, xã TĐ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

3.2/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị M sinh năm 1966 địa chỉ: ấp HT, xã NVT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, do ông Nguyễn Thanh C1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên vào ngày 30/5/2016 và ngày 04/7/2016 giữa ông Đ và ông C2 có ký kết 02 Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất.

Theo đó ông C2 là bên chuyển nhượng, còn ông Đ là bên nhận chuyển nhượng.

Phần đất chuyển nhượng lập Hợp đồng ngày 30/05/2016

Thửa đất số 506 tờ bản đồ số 05 diện tích 2734,2m²

Đất tọa lạc tại ấp TK, xã TĐ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

Giá chuyển nhượng là 100.000.000đ ông Đ đã thanh toán đủ bằng tiền mặt khi Hợp đồng được công chứng.

Phần đất này của ông T đứng tên quyền sử dụng đất, ông T đã lập hợp đồng ủy quyền cho ông C2 quản lý, sử dụng và ký kết hợp đồng.

Phần đất chuyển nhượng lập Hợp đồng ngày 04/7/2016

Thửa đất số: 83 tờ bản đồ số 38 diện tích 147,9m² đất tọa lạc tại ấp HB, xã NVT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long

Giá chuyển nhượng là 60.000.000đ ông Đ đã thanh toán đủ bằng tiền mặt khi Hợp đồng được công chứng.

Phần đất này của ông Nguyễn Văn L và vợ là Phạm Thị M đứng tên quyền sử dụng đất. Ông L và bà M đã lập hợp đồng ủy quyền cho ông C2 quản lý, sử dụng và ký kết hợp đồng.

Hai hợp đồng ủy quyền và hai Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất đều được Phòng Công chứng số 02 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long chứng nhận.

Vì chỗ quen biết nên ông C2 nhận làm thủ tục chuyển tên qua cho ông Đ.

Tuy nhiên kể từ đó đến nay ông C2 không làm và cũng không giao lại giấy tờ bản gốc để ông Đ đi khai thuế và sang tên. Đã nhiều lần yêu cầu ông C2 làm thủ tục nhưng ông luôn lảng tránh.

Nhận thấy ông C2 không có trách nhiệm làm thiệt hại quyền lợi của ông Đ, nên ông Đ xin hủy 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 30/5/2016 và Hợp đồng ngày 04/7/2016

Trong việc giao dịch nói trên ông Đ không biết ông T, ông L và bà M là ai. Ông Đ không có giao tiền cho 03 người này, mà chỉ giao tiền cho ông Nguyễn Hùng C2 là 160.000.000đ

Ông Đ yêu cầu ông C2 phải trả lại cho ông Đ số tiền gốc của hai hợp đồng là 160.000.000đ và có tính lãi suất 1%/tháng

Tạm tính như sau: số tiền 100.000.000đ nhận ngày 30/5/2016 đến ngày 30/6/2018 là 25 tháng: $100.000.000đ \times 1\% = 1.000.000đ \times 25 \text{ tháng} = 25.000.000đ$ (hai mươi lăm triệu đồng)

Số tiền 60.000.000đ nhận ngày 04/7/2016 đến ngày 04/7/2018 là 24 tháng: $60.000.000đ \times 1\% = 600.000đ \times 24 \text{ tháng} = 14.400.000đ$

Như vậy ông Đ yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Nguyễn Hùng C2 phải trả cho ông Đ vốn là 160.000.000đ và lãi 39.400.000đ

Tổng cộng là 199.400.000đ

Ông Nguyễn Hùng C2 trình bày: theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tôi có ý kiến như sau: trước đây tôi có giao dịch làm ăn với ông Đ, ông Đ

thuê tôi đi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông Đ. Theo như trước đây thì ông Đ đã kiện tôi ra tòa án BT để đòi tiền, thì tôi có trình bày về biên nhận 205.000.000đ này là đã gộp 160.000.000đ tiền tôi nhận để giao cho bên chủ đất đối với hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà hôm nay ông Đ khởi kiện. Trong hồ sơ mà tòa giải quyết trước đây tôi đã trình bày rồi. Nên tôi khẳng định tôi không còn nợ tiền của ông Đ trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này, tiền nợ này đã được tòa án nhân dân huyện BT giải quyết bằng vụ kiện đã có hiệu lực pháp luật rồi. Còn về hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T và ông L, bà Phạm Thị M đây chỉ là hợp đồng vay tiền, ông Đ đưa tiền cho tôi để tôi giao cho những người này vay tiền này, đóng lãi thì những người này đóng lãi cho tôi rồi tôi giao lại cho ông Đ. Mỗi hợp đồng như vậy ông Đ cho tôi từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ. Hình thức làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này chỉ là giả tạo, thực tế là hình thức vay tiền rồi đóng lãi. Những người vay tiền thực hiện đóng lãi được vài tháng. Sau đó khoảng 01 năm sau khi vay tiền thì những người vay tiền đem tiền gốc trả cho ông Điền, nhưng khi giao không giao trực tiếp cho tôi, mà giao cho người bạn của tôi, người bạn đó đã cầm tiền bỏ trốn khỏi địa phương, nên tôi phải lãnh số tiền tiền. Ông Đ kêu tôi ra phòng công chứng để làm biên nhận vay tiền để tôi lãnh số tiền này. Sự thật là như vậy, tôi yêu cầu tòa án xem xét vấn đề này dùm tôi. Tôi có người làm chứng cho vấn đề khi ký tên nhận nợ 205.000.000đ tại phòng công chứng là ông Đ đã gộp số nợ của hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T và ông L là 160.000.000đ vào rồi. Ông Đ tính lãi cộng vô chung là 205.000.000đ và bắt tôi ký vào biên nhận.

Đối với yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông thống nhất, vì đây chỉ là hợp đồng giả tạo, không vì mục đích chuyển quyền sử dụng đất thực tế.

Ý kiến ông Kim Đất T: thời gian năm 2016 ông cần tiền xoay sở trong gia đình, nên có vay tiền của ông C2 số tiền là 60.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, tương đương đóng lãi là 3.000.000đ/tháng. Đóng lãi được 03 lần, sau 03 tháng thì ông đã đem tiền trả cho ông C2. Khi vay tiền ông có ký hợp đồng ủy quyền cho ông C2 đối với phần đất của ông đứng tên. Khi ký hợp đồng ông không biết ý nghĩa của hợp đồng là có toàn quyền quyết định đối với phần đất của ông, nhưng ý định của ông chỉ vay tiền rồi trả lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Vĩnh Long đã xử;

Căn cứ khoản 3 Điều 188 luật đất đai năm 2013

Căn cứ các Điều 117, 119, 122, 129, 131, 502 và 503 của Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu vô hiệu 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/5/2016 giữa ông Nguyễn Văn Đ

và ông Kim Đất T và hợp đồng ngày 04/7/2016 giữa ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn L, vợ là Phạm Thị M.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Hùng C2 trả tiền 160.000.000đ và tiền lãi 39.400.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2019 ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Án sơ thẩm xử chấp nhận việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông đồng ý. Tuy nhiên không buộc bị đơn trả lại số tiền đã nhận 160.000.000đ kể cả tiền lãi, tổng cộng 199.400.000đ, như vậy thiệt thòi cho ông. Bởi lẽ, số tiền này là việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất không liên quan đến số tiền vay tài sản mà trước đây Tòa án BT đã xét xử giữa ông với ông C2. Trong vụ án vay tài sản mà Tòa án BT xử không hề có đề cập gì đến 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lúc đó ông C2 cũng không có yêu cầu phản tố để khấu trừ nghĩa vụ. Nay ông đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của ông

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thanh C đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh Nguyễn Hùng C2 không đồng ý với kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thư ký Tòa án và các thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70, điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Giữ y bản án sơ thẩm. Anh Điền phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 03/5/2019, đến ngày 13/5/2019 anh Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định, đương sự nộp tạm ứng án phí đầy đủ, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Kim Đất Thắng, ông Nguyễn Văn Lân và bà Phạm Thị Mười vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông Th, ông L và bà M là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Vào ngày 30/5/2016 anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Hùng C2 có ký kết với nhau hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa số 506, diện tích 2.734,9m², đất tọa lạc tại ấp TK, xã TĐ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long và ngày 04/7/2016 anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Hùng C2 có ký kết với nhau hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa số 83, diện tích 147,9m², đất tọa lạc tại ấp HB, xã Nguyễn Văn T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Thửa đất chuyển nhượng số 506 anh C2 được ông Kim Đất T ủy quyền ký chuyển nhượng và thửa đất số 83 anh C2 được ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị M ủy quyền ký chuyển nhượng. Cả hai hợp đồng chuyển nhượng đều được phòng công chứng số 02 chứng thực. Sau khi ký kết hợp đồng anh Đ giao cho anh C2 nhận đủ 160.000.000đ không có làm biên nhận. Ông Nguyễn Thanh C1 đại diện cho anh Nguyễn Văn Đ trình bày khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất anh Đ không có xem đất và cũng không có nhận giấy tờ đất của chủ sử dụng đất, nên chỉ giao dịch với anh C2 và do quen biết nên thuê anh C2 đi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Anh Đ giao toàn bộ hồ sơ cho anh C2.

Anh Nguyễn Hùng C2 trình bày do ông Kim Đất T và ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M có nhu cầu vay tiền nên khi thỏa thuận vay tiền ông T, ông L và bà M có ký ủy quyền cho ông ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất để vay tiền, nên ông có ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Đ và nhận của anh Đ 160.000.000đ để cho ông Kim Đất T vay 100.000.000đ và ông L, bà M vay 60.000.000đ. Hiện tại ông T, ông L và bà M đã trả tiền xong, giấy tờ đất anh đã trả lại cho ông T, ông L và bà M, còn số tiền 160.000.000đ anh chưa trả cho anh Đ, sau đó anh Đ đòi nợ nên anh có làm giấy cho anh Đ xác nhận có mượn của anh Đ 205.000.000đ và số tiền 205.000.000đ này đã được Tòa án nhân dân huyện BT xử xong bằng một bản án có hiệu lực pháp luật. Nay anh Đ kiện yêu cầu anh trả 160.000.000đ và tiền lãi thì anh không đồng ý.

[3] Xét thấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/5/2016 và ngày 04/7/2016 là hợp đồng giả tạo, thực chất là các đương sự giao dịch vay tiền với nhau, nên khi thanh toán tiền xong thì các chủ sử dụng đất đã nhận lại giấy tờ đất và các đương sự không còn tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng và đồng ý vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng nên án sơ thẩm đã vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 30/5/2016 và ngày 04/7/2016 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Xét việc anh Nguyễn Văn Đ đòi anh Nguyễn Hùng C2 trả anh 160.000.000đ và tiền lãi là chưa đủ cơ sở; Bởi lẽ, tại phiên tòa phúc thẩm, ông C1 đại diện cho anh Đ trình bày là anh Đ không tranh chấp với các chủ sử dụng đất mà anh Đ đã nhận chuyển nhượng chỉ yêu cầu anh C2 trả lại số tiền 160.000.000đ và tiền lãi. Sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất anh Đ không có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không giữ hợp đồng chuyển nhượng bản chính và cũng không có đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Anh Nguyễn Hùng C2 thừa nhận có nhận của anh Đ tiền 160.000.000đ để cho ông T,

ông L và bà M vay và ông T, ông L, bà M đã trả lại 160.000.000đ. Do sau khi nhận tiền của ông T và ông L anh C2 không giao trả lại được tiền cho anh Đ nên anh C2 đã viết giấy cam kết nợ với anh Đ bao gồm cả gốc và lãi, anh Đ đã khởi kiện anh C2 và anh Cường đã trả xong nợ cho anh Đ là phù hợp với lời trình bày của anh Đ về việc anh Đ không giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Đ đã nhận chuyển nhượng, bản chính hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất...cũng như việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất; Đồng thời theo Giấy cam kết ngày 11/01/2017 đã thể hiện anh C2 xác nhận rằng anh có mượn của anh Điền số tiền là 205.000.000đ. Như vậy thể hiện số tiền 205.000.000đ mà anh C2 xác nhận nợ ngày 11/01/2017 là một khoản nợ trước đó mới được xác lập lại và việc này đã được giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật (Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 05/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Vĩnh Long). Xét lời trình bày của anh C2 là có căn cứ. Nên án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu của anh Đ đòi anh C2 160.000.000đ và tiền lãi 39.400.000đ là có căn cứ. Nên không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Điền. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 3 Điều 188 luật đất đai năm 2013

Căn cứ các Điều 117, 119, 122, 129, 131, 502 và 503 của Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu vô hiệu 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/5/2016 giữa ông Nguyễn Văn Đ và ông Kim Đất T và hợp đồng ngày 04/7/2016 giữa ông Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn L, vợ là Phạm Thị M.

2.Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Hùng C2 trả tiền 160.000.000đ và tiền lãi 39.400.000đ

1.2.Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Anh Điền đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc

thẩm theo biên lai thu tiền số 0015446 ngày 16/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BT. Số tiền này được trừ vào tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nên anh Nguyễn Văn Đ không phải nộp tiếp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- TNV: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- TAND H BT: 01b;
- VKSND H BT: 01b;
- CCTHADS H BT: 01b;
- Các đương sự: 05b;
- Lưu: 04b./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc